

# Tóm Lược của Ban Quản Trị về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Nhà Trường, 2008-2009Được Công Bố cho Niên Học 2009-10

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Nhà Trường (SARC) (bắt buộc phải công bố hàng năm theo qui định luật pháp), bao gồm các thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về các qui định SARC trên Trang Mạng Điện Toán của SARC thuộc California Department of Education (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>. Để biết thêm chi tiết về trường, các bậc phụ huynh và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh của trường.

## I. Dữ Liệu và Tiếp Cận

### DataQuest

DataQuest là một khí cụ trên mạng có trên trang mạng của CDE DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> trong đó có các thông tin khác về trường này và các so sánh về nhà trường cho khu học chánh, quận, và tiểu bang. Cụ thể là, DataQuest là một hệ thống năng động lập các bản báo cáo về trách nhiệm giải trình (thí dụ, Chỉ Số Kết Quả Học Tập [API]), Sự Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu [AYP], dữ liệu về kỳ thi, ghi danh, tốt nghiệp, bỏ học, ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về những người học tiếng Anh.

### Tiếp Cận Internet

Hiện có cho tiếp cận Internet tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác có thể tiếp cận công cộng được (thí dụ, Thư Viện Tiểu Bang California). Tiếp cận Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên căn bản ai đến trước thì được trước. Các giới hạn khác về sử dụng bao gồm giờ giấc hoạt động, khoảng thời gian có thể sử dụng máy điện toán (tùy theo sự sẵn có), các loại chương trình nhu liệu hiện có tại máy điện toán, và khả năng in ấn các tài liệu.

## II. Về Trường Đây

### Địa Chỉ Liên Lạc (Niên Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp địa chỉ liên lạc của trường.

Trường		Khu Học Chánh	
Tên Trường	Trởdông Trung hoặc Westminster	Tên Khu Học Chánh	Hoặc khu Trung hoặc Huntington Beach
Đường Phố	14325 Goldenwest St.	Số Điện Thoại	714-903-7000
Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip Code	Westminster, CA 92683-4905	Trang Web	<a href="http://www.hbuhdsd.org">www.hbuhdsd.org</a>
Số Điện Thoại	714-893-1381	Giám Đốc Học Khu	Van Riley
Hiệu Trường	Shirley Vaughn	Địa Chỉ Thư Điện Tử	<a href="mailto:vriley@hbuhdsd.org">vriley@hbuhdsd.org</a>
Địa Chỉ Thư Điện Tử	<a href="mailto:svaughn@whslions.com">svaughn@whslions.com</a>	CDS Code	30- 66548- 3038445

### Phân Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2008-09)

Phân Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2008-09)

Vôùi sỡ phoái hõip của công ñoàng, trởdông Westminster cõu sõu mãing laø giao ñuic hõic sinh trởu thaõnh công ñaõn cõu saùng taõo, cõu hieäu naõng baõng caùch cung caáp nhieäu phõõng hõõuõng hõic taãp, bao goàm kyõ thuaät taãn tieãn, moät giaoõu trình ñaày thõu thaùch, vaø nhieäu kinh nghiããm khaùc ñoàng luõic vôùi giaoõu trình.

Trõdông Westminster laø moät trong saõu trởdông trung hõic toàng hõip của Hoic khu Trung hõic Huntington Beach. Thaõnh laãp naõm 1959 vaø naõm treãn 57.1 maõu ñaát, trởdông Westminster duy trì chuõ ñieà Anh quocác phõõ hõip vôùi kieäu maõu của thaõnh phoá Westminster. Trởdông cõng cõu thõu ruoàng roång 5 maõu cõu hoaõi ñoàng vaø moät chõõng trình khoa hõic canh noàng thaõnh công.

Trõdông Westminster phõic vũi caùc hõic sinh ña ñaõng. Trong soá 2,733 hõic sinh, cõu 44% laø La tinh, 42% laø AU chaõu, 9% Da traõng, 3% Da ñõu, 1% Caùc ñaõo Thaùi binh ñõõng, 1% Phi, vaø 1% Myõ goác Phi chaõu. 30% caùc hõic sinh của chuõng ta laø Hoic sinh hõic tieång Anh vaø xuaát thaãn tõõ caùc gia ñinh noùi 13 thõu tieång.

Trõdông ñõõic nhaãn ñaõng laø trởdông Title I; 61% caùc hõic sinh tham gia chõõng trình AËn trởõ Mieãn phí/Giaõm giao. Caùc giaoõu vieãn của trởdông ñõõic chõõng nhaãn ñieà ñaõy vaø 100% laø Hoài ñuõ Ñieàu kieãn Cao theo luaät Khoàng Treù em Naõo ñõõic Boõ queãn (NCLB). Ban giaõuõng huaõn quyeaät taãn cung caáp moät giaoõu trình trung hõic khoù vaø ñieãn hình.

Chæ soá Thønh quã Hoïc vaán (API) toáng quãt luãn taéng cao trong caùc naêm vøa qua.

Sõ taéng lên của API theo niên hoïc:

1999	544	
2000	601	+57
2001	624	+23
2002	634	+10
2003	667	+33
2004	676	+9
2005	692	+16
2006	696	+6
2007	705	+9
2008	731	+26
2009	747	+16

Caùc keát quã API của chúng ta ã taéng lên mỗi naêm keá tøø khi cõu baøi thi baét buõc của tieâu bang. Ñieãm API toáng quãt của chúng ta keá tøø 1998 ã taéng lên 203 ñieãm. Do keát quã của sõ phaân tích caùc đồ lieäu của toaøn trõðøng, thì một chõøng trình ñoïc toaøn phaân ñoïc laäp ra vø caùc hoïc sinh maø khoãng ñoïc theo ñuøng caáp lõu của mình thì baét buõc phaüi vøo chõøng trình naøy.

## Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Caùc phuï huynh tham gia vøo Hoã ñoàng Trõðøng maø thoãng qua Keá hoãch Ñõn thuaàn cho Thønh tích Hoïc sinh (SPSA) vø caùc chi phí khãu cho toaøn chõøng trình õu trõðøng. Phuï huynh cuõng laø caùc thønh vieãn của caùc uý ban khãu, bao goàm Uý ban cho Keá hoãch Chieãn lõðic õu Trõðøng vø Uý ban Coá vaán veà Hoïc sinh Hoïc tieáng Anh (ELAC), maø giuùp hoïc sinh môii vø caùc thønh vieãn của gia ñinh hoïc sinh maø chõa thoãng thaõ tieáng Anh cũm thaáy ñoïc tieáp ñoàn aãn caãn õu trõðøng.

Hoã Phuï huynh-Giaõu vieãn-Hoïc sinh (PTSA) của chúng ta ráát naéng ñoàng vø hoã trõ ñieãm chõøng trình trong toaøn trõðøng bao goàm hoïc boãng cho hoïc sinh vø Chõøng trình Reflections (Caùc suy nghó), maø ghi nhaãn thønh tích của caùc hoïc sinh trong moãn Anh vaên (Language Arts), Myõ thuaät vø Ngheã thuaät Dieãn xuaát. Caùc nhaãn vieãn của chúng toã luãn caãn, hoan ngeãnh, vø cũm kich caùc phuï huynh tình nguyẽn trong suõat naêm ñeã phuï giuùp trong caùc chõøng trình ñoàng luïc võu giaõu trình, giaõm thõ, caùc sinh hoãit thõ kyù toáng quãt, vø õu caùc uý ban coá vaán.

## Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2008-09)

Bãng này cho biết số học sinh ghi danh tham gia ở mỗi cấp lớp tại trường.

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Lớp 9	726
Lớp 10	702
Lớp 11	660
Lớp 12	645
Toàn Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia	2733

## Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Nhóm (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về phần trăm học sinh ghi danh theo học tại trường theo từng nhóm cụ thể.

Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh
Người Mỹ gốc Phi Châu	1.06%
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	3.26%
Người Á châu	41.57%
Người Phi luật tân	0.73%
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	43.65%
Người đảo Thái bình dương	0.70%
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	8.67%
Nhiều Câu Trả Lời hoặc Không Trả Lời	0.37%
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	68.00%
Những Người Học Tiếng Anh	33.00%
Học Sinh Khuyết Tật	11.00%

## Sĩ Số Trung Bình và Việc Phân Bỏ Số Học Sinh Trong Lớp (Trung Học Cơ Sở)

Bảng này trình bày sĩ số trung bình trong lớp học và số lớp học theo từng môn học theo mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

Môn Học	2006-07				2007-08				2008-09			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Anh Ngữ	25.6	45	43	36	27.4	35	40	40	28.9	13	66	32
Toán	25.5	41	26	33	27.4	34	20	38	28.5	19	34	38
Khoa Học	33.7	1	18	44	31.5	7	20	39	34.0	3	11	49
Khoa Học Xã Hội	32.5	7	14	43	34.0	5	12	40	34.4	2	15	40

## III. Môi Trường Nhà Trường

### Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về chương trình bảo vệ an toàn toàn diện của trường.

Trở đồng phòng lái cho tất cả học sinh lúc ăn trưa vào ngoài lề cho học sinh 12 mã số của giấy phép của phụ huynh. Có một hệ thống video canh chừng ở trường, và tất cả các khu vực phía ngoài sân đều có camera an ninh. Nhân viên An toàn Công cộng và các nhân viên giám sát lái ô tô trường và có liên hệ sát với các cảnh sát viên của Westminster; hội đồng chuyên canh tuần trường và các khu lân cận.

### Đình Chỉ Học Tập và Đuổi Học

Bảng này cho biết tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học (tổng số trường hợp chia cho tổng số học sinh ghi danh tham gia) ở cấp trường và khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Đình Chỉ Học Tập	21.4	13.1	10.6	10.8	10.1	8.6
Đuổi Học	0.4	0.4	1.0	0.1	0.1	0.3

## IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

### Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

ỒU trồøng Westminster, keá hoặch kieán trườc cho 4 caên nhaø tieán cheá vónh vieãn vồu 13 lòup hoặc môuì ñaõ baét ñaàu vaøo nieán khoa 2003-2004. Qõyõ traù phieáu ñòà phõng tồ Measure C seõ ñõõic duøng.

### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về kết quả kiểm tra cơ sở nhà trường mới được hoàn tất trong thời gian gần đây nhất để xác định tình trạng hoạt động tốt của cơ sở vật chất trong trường.

Kiểm Tra Hệ Thống	Tình Trạng Sửa Chữa				Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Biện Pháp Thực Hiện Đã và Sẽ Được Áp Dụng
	Gương Mẫu	Tốt	Được	Tồi	
Hệ Thống: Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cống	[X]	[ ]	[ ]	[ ]	Khoảng còi rỏ
Bên trong: Các Bề Mặt Bên Trong	[ ]	[X]	[ ]	[ ]	Moät soá ñaõ ñõõic thay. Taát caù ñeàu ñiùng haïn.
Sự Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	[ ]	[X]	[ ]	[ ]	Khoảng còi
Điện: Điện	[X]	[ ]	[ ]	[ ]	Ñõõic tuaán haønh
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	[ ]	[X]	[ ]	[ ]	Ñõõic tuaán haønh
Sự an Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	[ ]	[X]	[ ]	[ ]	
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	[X]	[ ]	[ ]	[ ]	
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cống/Hàng Rào	[X]	[ ]	[ ]	[ ]	
Xếp Hạng Tổng Quát	[ ]	[X]	[ ]	[ ]	

## V. Giáo Viên

### Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

Bảng này cho biết số giáo viên được phân về một trường và có chứng nhận trình độ đầy đủ, không có chứng nhận đầy đủ và những giáo viên giảng dạy ngoài phạm vi chuyên môn của mình. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về bằng cấp học vấn của giáo viên trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Giáo viên	Trường			Khu Học Chánh
	2006-07	2007-08	2008-09	2008-09
Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	116	116	118	655
Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	1	0	0	1
Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn	10	7	3	---

### Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng này cho biết số trường hợp phân công giáo viên trái phép (giáo viên được phân công việc mà không có sự cho phép hợp pháp) và số vị trí giáo viên còn trống (không có giáo viên nào được chỉ định để giảng dạy toàn bộ khóa học khi bắt đầu năm học hoặc học kỳ). Lưu ý: Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép.

Yếu Tố Chỉ Báo	2007-08	2008-09	2009-10
Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép	16	5	0
Tổng số trường hợp phân công giáo viên trái phép	30	10	KHÔNG ÁP DỤNG
Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

## Các Lớp Học Chính Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind) Giảng Dạy (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về số phần trăm lớp học về các môn học chính do các giáo viên tuân theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) và không tuân theo đạo luật NCLB ở trường, tại tất cả các trường trong khu học chánh, tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao trong khu học chánh, và tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp trong khu học chánh giảng dạy. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được xác định là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 75 phần trăm trở lên trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 25 phần trăm trở xuống trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Quý vị có thể tìm hiểu về năng lực trình độ của các giáo viên theo yêu cầu của đạo luật NCLB trên Trang Mạng Điện Toán về việc Cải Tiến Chất Lượng Giáo Viên và Hiệu Trường của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

Địa Điểm Các Lớp Học	Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính	
	Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy	Do Các Giáo Viên Không Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy
Trường này	92.9	7.1
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	88.7	11.3
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh		
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	89.5	10.5

## VI. Nhân Viên Trợ Giúp

### Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày (theo các đơn vị tương đương toàn thời gian (FTE), số cố vấn viên học tập và các nhân viên trợ giúp khác được phân về trường và số học sinh trung bình trên mỗi cố vấn viên học tập. Một FTE học tập tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức Vụ	Số FTE Được Phân về Trường	Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập
Cố Vấn Viên Học Tập	1.0	2733
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư Viện)		không áp dụng
Tâm Lý Gia	3.5	không áp dụng
Nhân Viên Xã Hội		không áp dụng
Y Tá	1.0	không áp dụng
Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác		không áp dụng
Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy)		không áp dụng
Nhân Viên Khác	1.0	

## VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

### Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về phẩm chất, tình trạng lưu hành, và tình trạng có sẵn các loại sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường, và thông tin về việc trường sử dụng bất kỳ chương trình học thêm nào hoặc sách giáo khoa hoặc các tài liệu giảng dạy chưa được áp dụng.

Các tài liệu giảng dạy và sách hoặc đồ dùng học tập hiện hành và có phẩm chất cao. Trước khi các sách hoặc đồ dùng mua thì chúng phải được kiểm tra kỹ lưỡng bởi các giáo viên, viên chức hiện hành, và các giáo viên hội viên giáo dục, và được cho công nhận và Ban quản trị duyệt qua. Sách và tài liệu giảng dạy hiện hành phải thay thế khi cần nhằm bảo đảm rằng học sinh được tiếp cận với tài liệu giảng dạy hiện hành. Việc sử dụng đồ dùng học tập kỹ thuật giảng dạy hiện hành phải được kiểm tra và đánh giá trong các chương trình học và, thông thường, và kỹ thuật.

Phần Chính Trong Chương Trình Học	Phẩm Chất, Tình Trạng Lưu Hành, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy	Số Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Giáo Khoa Riêng và/hoặc Các Tài Liệu Giảng Dạy
Tập Đọc/Vấn Khoa	Xem bên trên	0.0%
Toán	Xem bên trên	0.0%
Khoa Học	Xem bên trên	0.0%
Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội	Xem bên trên	0.0%
Ngoại Ngữ	Xem bên trên	0.0%
Sức Khỏe	Xem bên trên	0.0%
Dụng Cụ Trong Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới 12)	Xem bên trên	0.0%
Nghệ Thuật Nhìn và Trình Diễn	Xem bên trên	0.0%

## VIII. Tình Hình Tài Chính của Trường

### Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2007-08)

Bảng này so sánh chi phí cho mỗi học sinh từ các nguồn không hạn chế (căn bản) của trường so với các trường học khác trong khu học chánh và trên toàn tiểu bang, và so sánh mức lương trung bình của giáo viên tại trường với mức lương trung bình của giáo viên trong khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường trên Trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và lương giáo viên có thể tìm thấy trên trang mạng về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Cấp	Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trội/Giới Hạn)	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn)	Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên
Trường	không áp dụng	không áp dụng	\$8,287	\$76,735
Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	\$8,287	\$76,735
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	0%	0%
Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	\$5,512	\$68,332
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	3.7%	16.6%

## Các Dạng Dịch Vụ Được Tài Trợ (Tài Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về các chương trình và dịch vụ phụ trợ được cung cấp tại trường qua các ngân quỹ trong hạng mục hoặc các nguồn trợ giúp khác.

Quyển phân loại (EIA, GATE, Title I, Title II, và Title V) được dùng để nâng cao thành tích học sinh và cung cấp môi trường học tập. Các dịch vụ được cung cấp bao gồm, những không bỏ giữu hai bên, việc coi học sinh tâm lý và học sinh, huấn luyện giáo viên cho giảng dạy chuyên về GATE/Advanced Placement, huấn luyện giáo viên để đạt tình trạng "hoài hũa nhiều kiến cao", và/hoặc khai triển giảng dạy và/hoặc theo các tiêu chuẩn.

## Lương Giáo Viên và Lương Nhân Viên Hành Chánh (Tài Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về lương bổng của khu học chánh dành cho các giáo viên, hiệu trưởng, và giám đốc học khu, và so sánh với mức trung bình của tiểu bang dành cho các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Bảng này cũng trình bày về mức lương của giáo viên và nhân viên hành chánh dưới hình thức phần trăm ngân sách của khu học chánh và so sánh các con số này với mức trung bình trên toàn tiểu bang đối với các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về mức lương trên Trang Mạng Điện Toán của Lương Bổng và Quyền Lợi thuộc CDE Được Xác Nhận tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành cho Các Khu Học Chánh Trong Cùng Một Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$47,675	\$42,810
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$81,199	\$69,375
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$101,188	\$89,104
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$120,314
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$138,159	\$126,901
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$258,464	\$198,563
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	32.50%	37.30%
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương cho Nhân Viên Hành Chánh	5.30%	5.20%

## IX. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

### Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của California

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) gồm có nhiều thành phần then chốt, bao gồm các Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của California (CST); Đánh Giá có Bổ Sung California (CMA), và Đánh Giá Thành Tích Thay Thế (CAPA). CST cho biết học sinh thực hiện khá đến mức nào có liên quan tới nội dung của tiểu bang. CST bao gồm văn khoa Anh Ngữ (ELA) và toán lớp hai đến lớp mười một; khoa học thuộc các lớp năm, tám, và chín cho tới mười một; và khoa học lịch sử-xã hội thuộc các lớp tám, và mười tới mười một. CAPA bao gồm ELA, toán, và khoa học thuộc các lớp hai tới mười một, và khoa học thuộc các lớp năm, tám, và mười. CAPA được áp dụng cho các học sinh bị khuyết tật đáng kể về nhận thức, các khuyết tật này khiến cho các em không lấy được CST có thích nghi hoặc bổ sung hay CMA có thích nghi. CMA bao gồm ELA và toán cho các lớp từ lớp ba tới lớp tám và khoa học cho lớp năm và là một sự lượng định thay thế dựa trên các tiêu chuẩn thành đạt có bổ sung. CMA được thiết kế để đánh giá các học sinh bị khuyết tật khiến cho các em không đạt được sự thành thạo thuộc cấp độ lớp trong cuộc đánh giá theo tiêu chuẩn nội dung California có hoặc không có thích nghi. Điểm số của học sinh được báo cáo như các mức thành tích. Thông tin chi tiết về các kết quả Chương Trình STAR cho mỗi lớp và cấp độ thành tích, bao gồm số phần trăm các học sinh không thi, có thể tìm thấy trên trang mạng về Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của CDE tại <http://star.cde.ca.gov>. Thông tin về Chương Trình STAR có thể tìm thấy trong phần hướng dẫn giải thích về Kết Quả Tóm Lược về Chương Trình STAR năm 2008 cho công chúng tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/sr/documents/starpkt5intrpts.pdf>. Ghi chú: Điểm số không được cho thấy khi số học sinh thi từ mười người trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ nên không chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo vì sẽ vô tình hay cố ý công bố điểm số hoặc thành tích của bất kỳ cá nhân học sinh nào.

## Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt mức độ Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang).

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Văn Khoa Anh Ngữ	39	44	45	54	59	61	43	46	50
Toán	26	29	35	33	35	41	40	43	46
Khoa Học	35	44	51	50	58	63	38	46	50
Lịch Sử Xã Hội Học	27	37	43	44	51	58	33	36	41

## Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Nhóm	Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc			
	Anh Ngữ-Văn Khoa	Toán	Khoa Học	Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội
Người Mỹ gốc Phi Châu	26	10	*	0
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	46	25	73	38
Người Á châu	64	55	72	63
Người Phi luật tân	44	35	*	42
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	28	19	32	27
Người đảo Thái bình dương	50	25	*	*
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	46	30	54	47
Nam	44	36	58	50
Nữ	46	35	44	37
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Khó Khăn	44	35	49	42
Những Người Học Tiếng Anh	9	15	16	15
Học Sinh Khuyết Tật	9	10	14	13
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân				

## Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (California High Trường Exit Examination - CAHSEE) chủ yếu được dùng làm yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, nhưng kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được dùng để thiết lập số phần trăm học sinh ở ba mức độ thành thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc xuất sắc) về ELA và toán để tính toán xác định chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) quy định cho các trường trung học, theo yêu cầu của Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) 2001. Thông tin chi tiết về các kết quả của CAHSEE có thể tìm thấy tại trang mạng điện toán của Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (CAHSEE) thuộc CDE tại <http://cahsee.cde.ca.gov/>. Lưu ý: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

## Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California cho Tất Cả Các Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh đạt được mức Thành Thạo hoặc Xuất Sắc về Anh Ngữ-văn khoa và toán học.

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Anh Ngữ - Văn Khoa	45.9	49.0	53.3	63.5	66.6	69.1	48.6	52.9	52.0
Toán	50.7	53.1	58.9	64.0	65.2	69.2	49.9	51.3	53.3

## Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California của các Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh, theo nhóm, đạt được ở mỗi mức thành tích về Anh Ngữ - Văn Khoa và toán cho kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Anh Ngữ - Văn Khoa			Toán		
	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc
Tất Cả Học Sinh	46.7	25.2	28.2	41.1	32.4	26.5
Nam	48.7	24.7	26.6	38.2	33.1	28.7
Nữ	44.7	25.6	29.7	43.9	31.8	24.3
Người Mỹ gốc Phi Châu	*	*	*	*	*	*
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	42.9	19.0	38.1	42.9	28.6	28.6
Người Á châu	33.2	22.7	44.1	15.9	35.5	48.6
Người Phi luật tân	*	*	*	*	*	*
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	58.2	28.1	13.7	59.9	31.1	8.9
Người đảo Thái bình dương	*	*	*	*	*	*
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	41.3	23.9	34.8	43.8	33.3	22.9
Hoàn cảnh tài chánh khó khăn	68.2	24.1	7.7	57.1	31.4	11.5
Những Người Học Tiếng Anh	49.4	25.2	25.4	42.7	30.4	26.9
Học Sinh Khuyết Tật	*	*	*	*	*	*
Các Học Sinh Đang Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục cho Di Dân*	95.1	1.6	3.3	85.9	12.5	1.6

## Kết Quả Kỳ Thi Thể Dục California (Niên Khóa 2008-09)

Kỳ Thi Thể Dục California chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và khu vực tại Trang Mạng Điện Toán về Kỳ Thi Thể Dục của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>. Lưu ý: Các điểm số sẽ không hiển thị khi số học sinh dự thi bằng hoặc thấp hơn mười, hoặc vì số học sinh trong hạng mục này quá ít nên không thể thống kê chính xác, hoặc để bảo vệ sự riêng tư của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt		
	Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn	Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn	Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn
9	16.9	26.7	29.3

## X. Trách Nhiệm

### Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập và tiến bộ của các trường tại tiểu bang California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn (API) của CDE trên Trang Mạng Điện Toán của API tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

### Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. Mức xếp hạng này nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API cao nhất tiểu bang. Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 "trường tương tự" giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

Mức Xếp Hạng API	2006	2007	2008
Trên Toàn Tiểu Bang	5	6	6
Các Trường Tương Tự	6	4	8

### Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các thay đổi API thực tế theo nhóm học sinh dựa trên điểm cộng thêm hoặc bị mất trong ba năm vừa qua, và điểm API mới đây nhất. Lưu ý: "KHÔNG ÁP DỤNG" có nghĩa là số lượng học sinh trong nhóm học sinh đó không đủ đồng.

Tóm Lược của Ban Quản Trị về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải

Trình của Nhà Trường, 2008-2009Được Công Bố cho Niên Học 2009-10

Nhóm Học Sinh	Thay Đổi API Thực Tế			Điểm API Tăng Trưởng
	2006-07	2007-08	2008-09	2009
Tất Cả Học Sinh trong Trường	11	24	16	747
Người Mỹ gốc Phi Châu				
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska				
Người Á châu	12	30	17	844
Người Phi luật tân				
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	16	24	22	671
Người đảo Thái bình dương				
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	23	31	-20	734
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	13	22	21	743
Những Người Học Tiếng Anh	8	10	1	681
Học Sinh Khuyết Tật	-3	17	21	491

## Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Đạo Luật NCLB của liên bang qui định rằng tất cả các trường và khu học chánh đều phải đạt các chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

- Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán
- Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán
- API là công cụ chỉ báo bổ sung
- Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về AYP, trong đó bao gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo, hiển thị theo nhóm học sinh trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

## Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2008-09)

Bảng này trình bày chỉ số cho biết trường và khu học chánh đó có đạt AYP tổng quát và trường và khu học chánh đạt được từng chỉ tiêu AYP hay không.

Chỉ tiêu AYP	Trường	Khu Học Chánh
Tổng Quát	No	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ	Yes	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Toán	Yes	Yes
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ	No	No
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán	No	No
API	Yes	Yes
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	Yes	Yes

## Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2009-10)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi các trường không đạt AYP. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	In PI	In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình	2009-2010	2008-2009
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	Year 1	Year 2
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	2
Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	22.2

## XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

### Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

#### University of California

Các yêu cầu để được nhận vào học tại University of California (UC) tuân theo các hướng dẫn đã được đặt ra trong Kế Hoạch Chủ Yếu, theo đó đòi hỏi học sinh tốt nghiệp trung học của tiểu bang phải ở mức hàng đầu một phần tám số học sinh cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công các bài vở qui định cho đại học, hội đủ điều kiện để được thu nhận vào UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài vở trình độ Đại Học. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận Tổng Quát tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html>.

#### California State University

Các yêu cầu để được nhận vào học tại California State University (CSU) dùng ba yếu tố để xác định khả năng hội đủ điều kiện. Đó là các khóa học cụ thể của trung học; điểm số của các khóa học quy định và điểm thi; và tốt nghiệp trung học. Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đương đơn. Đa số các trường CSU sử dụng các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng của California State University tại <http://www.calstate.edu/admission/>.

### Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

Bảng này cho biết tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trong một năm của trường đó, dành cho ba năm gần đây nhất cho những dữ liệu có sẵn. Vì các mục đích so sánh, chúng tôi cũng cung cấp các dữ liệu ở cấp khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08
Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm)	1.3	2.5	2.3	1.0	1.3	1.6	3.5	4.4	3.9
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	91.4	89.8	87.2	94.9	94.5	94.4	83.4	80.6	80.2

### Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học

Học sinh tại các trường công lập California phải đạt cả hai phần ELA và toán của CAHSEE để nhận bằng trung học. Đối với các học sinh bắt đầu niên học 2008-09 ở lớp mười hai trong bảng này được trình bày theo nhóm học sinh số phần trăm những em đáp ứng mọi yêu cầu về tốt nghiệp của tiểu bang và địa phương về việc hoàn tất lớp mười hai.

Nhóm	Khóa Tốt Nghiệp 2009		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu Bang
Tất Cả Các Học Sinh	508	3285	KHÔNG ÁP DỤNG
Người Mỹ gốc Phi Châu	4	35	KHÔNG ÁP DỤNG
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	17	266	KHÔNG ÁP DỤNG
Người Á châu	245	799	KHÔNG ÁP DỤNG
Người Phi luật tân	4	57	KHÔNG ÁP DỤNG
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	185	565	KHÔNG ÁP DỤNG
Người đảo Thái bình dương	2	34	KHÔNG ÁP DỤNG
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	49	1520	KHÔNG ÁP DỤNG
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	317	607	KHÔNG ÁP DỤNG
Những Người Học Tiếng Anh	342	783	KHÔNG ÁP DỤNG

Học Sinh Khuyết Tật	27	204	KHÔNG ÁP DỤNG
---------------------	----	-----	------------------

## Tham Gia Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày thông tin về việc tham gia các chương trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (CTE) của trường.

Tiêu Chuẩn Đánh Giá	Tham Gia Chương Trình CTE
Số học sinh tham gia trong CTE	5,290
Số phần trăm học sinh hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	98.25%
Số phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa các trường và các trường sau trung học	98%

## Các Khóa Học Chuẩn Bị Nhập Học Vào University of California và/hoặc California State University (Niên Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về hai tiêu chuẩn đánh giá trong năm gần đây nhất liên quan tới các khóa học của trường, mà các khóa học được yêu cầu để nhập học vào trường University of California (UC) và California State University (CSU). Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về thủ tục ghi danh học sinh và việc hoàn tất các khóa học yêu cầu để nhập học vào UC/CSU tại trang mạng điện toán DataQuest của CDE <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Ghi Danh Vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Nhập Học UC/CSU	59.9
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Được Yêu Cầu để Nhập Học UC/CSU	42.1

## Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày số Khóa Học Nâng Cao (AP) trong năm gần đây nhất mà các trường cung cấp theo môn học và số phần trăm học sinh theo học trong tất cả các khóa học AP. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về sĩ số học sinh theo học các khóa học AP trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Môn Học	Số Khóa Học Nâng Cao Được Cung Cấp	Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các Khóa Học Nâng Cao
Khoa Học Điện Toán Computer		không áp dụng
Tiếng Anh	1	không áp dụng
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn		không áp dụng
Ngoại Ngữ	3	không áp dụng
Toán	2	không áp dụng
Khoa Học	3	không áp dụng
Khoa Học Xã Hội	3	không áp dụng
Tất cả các khóa học	12	3.6

## XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

### Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

Hội khu Trung hoặc Huntington Beach được nhìn nhận toán tiêu bang về phẩm chất của giáo viên được khai triển và luôn được cập nhật bồi dưỡng giáo viên phối hợp với các chuyên gia giáo viên công lập chuyên môn trong lãnh vực của hội. Giáo viên tham gia phân phối các khoản của Tiểu bang, địa phương của giáo viên, nhu cầu của công đồng, và nhu cầu của tất cả học sinh trong khi theo đuổi các mức tích sau trung học.

Ngoài các sinh hoạt bồi dưỡng mà tất cả nhân viên giảng dạy tham dự, phần lớn các giáo viên của trường Westminster tham dự các chương trình huấn luyện và hội thảo bồi dưỡng. Hội khu này cũng phát huy sự phát triển nhân viên qua sự phối hợp với UC Irvine, CSU Long Beach, các nhà công đồng và nghiệp vụ huấn luyện giáo viên của Huntington Beach. Nhiều hội nhân viên làm tất cả học sinh phải thoát nghiệp với một kiến thức chính yếu vững chắc mà sẽ giúp chúng ta tiếp tục nâng cao nhất và trở thành các công dân có trách nhiệm.

Tất cả các giáo viên đều tham gia Hội Hoá trị và Thẩm phán Giáo viên Khó khăn (BTSA).

### XIII. Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

#### Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (National Assessment of Educational Progress - NAEP) là một cuộc đánh giá tiêu biểu trên toàn quốc về những điều mà các học sinh tại Hoa Kỳ biết và có thể làm được trong các lãnh vực khác nhau. Các đánh giá được tiến hành định kỳ về toán, đọc, khoa học, viết, nghệ thuật, công dân, kinh tế, địa lý, và lịch sử Hoa Kỳ. Điểm số của học sinh về đọc và toán được báo cáo theo các cấp độ về thành tích (thí dụ, cơ bản, thành thạo, và cấp cao) và sự tham gia của các học sinh bị khuyết tật (SD) và những người học Tiếng Anh (ELL) được báo cáo dựa trên ba cấp độ (được nhận ra, loại trừ, và đánh giá). Thông tin chi tiết về các kết quả NAEP cho mỗi lớp, cấp độ thành tích, và mức tham gia có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia tại <http://nces.ed.gov/nationsreportcard/>.

Ghi chú: Chỉ có một nhóm làm mẫu các trường và khu học chánh của California tham gia trong chu kỳ thi NAEP. Do đó, học sinh tại bất cứ trường học hoặc khu học chánh cụ thể nào có thể không được kể vào trong các kết quả này. NAEP phản ánh kết quả kỳ thi của tiểu bang và không phản ánh hoặc LEA hoặc trường sở riêng lẻ nào. Sự so sánh thành tích của học sinh trên NAEP và thành tích của học sinh trong các đánh giá của Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) không thể thực hiện nếu không hiểu rõ sự khác biệt chính yếu giữa hai chương trình đánh giá. Thí dụ, NAEP chỉ đánh giá các lớp bốn, tám và mười hai và cho các xu hướng lâu dài đánh giá các lớp chín, mười ba, và mười bảy. Ngoài ra, NAEP chỉ có cung cấp kết quả thi của tiểu bang cho các lớp bốn và tám. Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Tests - CSTs) được dựa trên bộ tiêu chuẩn khác không phải các đánh giá của NAEP. Thí dụ, NAEP không song song với các tiêu chuẩn về nội dung và thành đạt học vấn California và, do đó, không nhất thiết phản ánh học trình và sự giảng dạy mà học sinh phải theo trong lớp học. NAEP đánh giá tập đọc và viết riêng biệt, trong khi CST đánh giá văn khoa Anh Ngữ (ELA), bao gồm tập đọc cũng như các quy ước về viết, chính tả, và văn phạm. Điểm số trên CST, và các đánh giá khác không thể so sánh trực tiếp với các điểm số trên NAEP. Số trung bình và số phần trăm được trình bày là các ước lượng dựa trên các mẫu học sinh hơn là toàn bộ những người khác. Sau cùng, các câu hỏi mà học sinh trả lời chỉ là một mẫu kiến thức và kỹ năng được nêu trong khuôn khổ của NAEP. Thông tin về các khác biệt giữa NAEP và CST có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (NAEP) của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/nr/>.

#### Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày các điểm theo thang đo và các mức thành tích trong Các Kết Quả Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Điểm Trung Bình Theo Thang Đo		Số Phần Trăm về Mức Thành Đạt		
	Tiểu Bang	Quốc Gia	Cơ Bản	Thành Thạo	Cấp Cao
Tập Đọc 2007, Lớp 4	209	220	30	18	5
Tập Đọc 2007, Lớp 8	251	261	41	20	2
Toán 2009, Lớp 4	232	239	41	25	5
Toán 2009, Lớp 8	270	282	36	18	5

#### Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia cho Các Học Sinh Bị Khuyết Tật và/hoặc Những Người Học Tiếng Anh theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày mức tham gia của tiểu bang và quốc gia qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các học sinh bị khuyết tật và/hoặc những người học Tiếng Anh lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Mức Tham Gia của Tiểu Bang		Mức Tham Gia của Quốc Gia	
	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh
Tập Đọc 2007, Lớp 4	74	93	65	80
Tập Đọc 2007, Lớp 8	78	92	66	77
Toán 2009, Lớp 4	79	96	84	94
Toán 2009, Lớp 8	85	96	78	92